

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:60/2024/DS-ST.

Ngày:21-8-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Hùng;
- Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh -Thư ký Toà án nhân dân huyện Xuân Trường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:30/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:22/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự;

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S1 (S2); địa chỉ: Số B N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ **Người đại diện theo pháp luật:** Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc;

+ **Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Xuân C – Giám đốc S2 chi nhánh N (quyết định uỷ quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022);

+**Người đại diện theo uỷ quyền lại:** Ông Đặng Văn T – Nhân viên xử lý nợ của S2 chi nhánh N; có mặt.

Bị đơn: Chị **Vũ Huyền T1**, sinh năm 1994; địa chỉ: **Xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng lời khai tại phiên tòa, người ủy quyền của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S1 (S2)** trình bày:

-**Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh N** đã cấp 01 thẻ tín dụng cho bà **Vũ Thị Huyền T2** thể hiện như sau:

Ngày 24/8/2022 **S2** đã cấp thẻ tín dụng cho bà **Vũ Thị Huyền T2** mức 40.000.000đ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo và tính đến ngày 21/8/2024 dư nợ thẻ tín dụng của bà **Vũ Thị Huyền T2** là 33.474.870 đồng (Ba mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm bảy mươi đồng).

Trong quá trình bà **Vũ Thị Huyền T2** đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ. Từ ngày 15/10/2023 bà **T2** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, **S2** đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Sau khi bà **T2** không thực hiện như cam kết hợp đồng **S2** thường xuyên đôn đốc và thông báo nhiều lần làm việc để yêu cầu bà **T2** có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời **S2** cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà **T2** trả nợ. Tuy nhiên bà **T2** vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản của hợp đồng đã ký.

Nay **S2** đề nghị Tòa án buộc bà **Vũ Thị Huyền T2** phải trả ngay tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2024 là 33.474.870 đồng, trong đó gốc là 23.407.178 đồng; Lãi quá hạn là: 10.067.692 đồng), bà **T2** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất của Hợp đồng và cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho bà **Vũ Thị Huyền T2** thông qua **UBND xã X** để tổng đạt. Gia đình nhà bà **T2** đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không thấy bà **T2** đến Tòa án làm việc cũng như không giữ ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 299; 301, 318, 320, 323,

463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng N1; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Huyền T3 phải có trách nhiệm trả số tiền gốc, lãi, lãi chậm trả cho Ngân hàng TMCP S1 (S2) số tiền 33.474.870 đồng, (gốc là 23.407.178 đồng; lãi quá hạn là: 10.067.692 đồng tính đến ngày 21/8/2024) cũng như số lãi tiếp theo như thoả thuận của Hợp đồng cho đến khi thi hành xong khoản tiền này.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người được nguyên đơn ủy quyền đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật và tiếp tục vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; HĐXX xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Đối với bà Vũ Thị Huyền T2 gia đình đã nhận giấy báo của Toà án nhưng không thấy bà T2 đến Toà án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng điều đó chứng tỏ bà T2 tự tước đi cái quyền của mình.

[3] Để có cơ sở xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xem xét một cách khách quan và toàn diện như sau:

Để có nhu cầu cho việc phục vụ nhu cầu cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày bà Vũ Thị Huyền T2 có vay của Ngân hàng TMCP S1 thể hiện ngày 24/8/2022 S2 đã cấp thẻ tín dụng cho bà Vũ Thị Huyền T2 mức vay 40.000.000đ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo tính đến ngày 21/8/2024 dư nợ thẻ tín dụng của bà Vũ Thị Huyền T2 là 33.474.870 đồng, trong đó gốc là 23.407.178 đồng; Lãi quá hạn là: 10.067.692 đồng),

Trong quá trình vay bà Vũ Thị Huyền T2 đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình tương đối đều đặn. Đến ngày 15/10/2023 bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, S2 đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Sau khi bà T2 không thực hiện như cam kết hợp đồng S2 thường xuyên đôn đốc và thông báo nhiều lần làm việc để yêu cầu bà T2 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời S2 cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà T2 trả nợ. Tuy nhiên bà T2 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản của hợp đồng đã ký.

Như vậy, khẳng định khi bà Vũ Thị Huyền T2 ký hợp đồng vay tiền với S2 là thẻ tín dụng kèm giấy vay nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự cũng như Luật các tổ chức tín dụng, Luật ngân hàng N1. Sau khi vay bà T2 đã trả được gốc và lãi, sau đó không trả được gốc, lãi nên ngân

hàng chuyển sang tính lãi chậm trả là phù hợp từ thời điểm ngày 15/10/2023 đến ngày 21/8/2024 ngày xét xử số tiền dư nợ cả gốc và lãi là 33.474.870 đồng, trong đó gốc là 23.407.178 đồng; lãi quá hạn là: 10.067.692 đồng). Xét thấy, S yêu cầu bà **Vũ Thị Huyền T2** phải số tiền nói trên cũng như lãi tiếp theo như trong hợp đồng cho đến thi hành xong khoản tiền này là phù hợp.

Từ những phân tích lập luận đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của **S3** buộc bà **Vũ Thị Huyền T2** phải trả số tiền gốc, lãi phạt chậm trả tính từ ngày 15/10/2023 đến ngày 21/8/2024 tổng số tiền 33.474.870 đồng, (gốc là 23.407.178 đồng; lãi quá hạn là: 10.067.692 đồng) và đề nghị Tòa án tuyên bà **Vũ Thị Huyền T2** phải trả lãi tiếp theo từ ngày 22/8/2024 cho đến ngày thi hành xong khoản tiền vay là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 299, 301, 318, 320, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật **ngân hàng N1**; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S1 (S2)** đối với bà **Vũ Thị Huyền T2**. Buộc bà **Vũ Thị Huyền T2** phải trả số tiền gốc, lãi chậm trả tính ngày 21/8/2024 là 33.474.870 đồng, (gốc là 23.407.178 đồng; lãi quá hạn là: 10.067.692 đồng).

Kể từ ngày 22/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Bà **Vũ Thị Huyền T2** phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.673.000đ.

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP S1 (S2)** số tiền 565.900đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000105 ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện
- Chi cục THADS h;
- UBND xã
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

Phạm Ngọc Long

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Xuân Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Ngọc Long

